| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HỒNG NGỰ**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Lương Bằng.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

2. Bà Võ Thị Hương Giang.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Tưởng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Văn Đực - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2018/QĐXX-ST ngày 15 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Lê Phước Th, sinh năm 1988;

Địa chỉ cư trú: số x, khóm y, phường z, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

*2. Bị đơn*: Nguyễn Thị T, sinh năm 1991;

Địa chỉ cư trú: số x, tổ y, ấp PH B, xã PT A, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt lần thứ hai)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/3/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Lê Phước Th trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị T cưới nhau vào tháng 12/2011 (âm lịch) có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT A, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp, trước khi tiến tới hôn nhân không có tìm hiểu trước, mà do mai mối nhưng anh chị vẫn tự nguyện đồng ý cưới nhau. Sau khi cưới vợ chồng anh chị sống với gia đình anh. Thời gian đầu anh và chị T sống hạnh phúc nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì đã phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, tính tình của chị T không chững chạc và có nhiều tật xấu, trong nhà có chuyện gì là chị lại đem kể cho hàng xóm nghe, còn bịa đặt nói xấu chị em bạn dâu, vì vậy anh thấy bất mãn, tuy đã nhiều lần khuyên can nhưng chị T vẫn không sửa đổi, nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 01/2013 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng không còn sống chung thì không có gặp nhau để hàn gắn lại. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, anh và chị T không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị T đã tự thỏa thuận xong, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị T chung sống không nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh chị, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Nguyễn Thị T, Toà án đã triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng chị từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Phước Th; về con chung, không có; về tài sản chung và nợ chung, không có nên không đề cập đến.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

[2] Tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Lê Phước Th và chị Nguyễn Thị T là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. Xét yêu cầu ly hôn của anh Th đối với chị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của anh Th tại phiên tòa hôm nay thì cuộc sống của anh và chị T không hạnh phúc từ khi cưới nhau, chị T không quan tâm đến gia đình, mặc dù đã nhiều lần khuyên can nhưng chị T vẫn không thay đổi; mặt khác, từ khi ly thân đến nay vợ chồng không có gặp nhau để hàn gắn lại và vợ chồng đã không còn chung sống với nhau đã hơn 05 năm. Đối với chị T thì Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị đến để Tòa án hòa giải, động viên cho vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị vẫn cố tình không đến và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của anh Th và chị T hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của anh Th là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho anh Lê Phước Th ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

[4] Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, anh Th và chị T không có con chung, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về tài sản chung: Do anh Th trình bày đã tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn chị T không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về nợ chung: Do anh Th trình bày trong quá trình vợ chồng chung sống không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn chị T không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lê Phước Th và chị Nguyễn Thị T.

2. Về án phí sơ thẩm: Anh Lê Phước Th chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 14671 ngày 02/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

3. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND xã PT A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Lương Bằng**